

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Nhà học, phòng học bộ môn vật lý, thư viện Trường THCS Nga Tiến,
huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Công văn số 2533/BGDDĐT-DATHCSKKN2 ngày 27/5/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai đầu tư xây dựng công trình trong Dự án Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2;

Căn cứ Quyết định số 3976/QĐ-BGDDĐT ngày 28/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt danh mục các trường Trung học cơ sở được đầu tư xây dựng năm 2020 từ nguồn vốn của Dự án Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2;

Căn cứ Quyết định số 827/QĐ-BGDDĐT ngày 25/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt danh mục và chi tiết phân khai vốn cho các trường Trung học cơ sở được đầu tư xây dựng năm 2020 từ nguồn vốn của Dự án Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2;

Căn cứ Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nhà học, phòng học bộ môn vật lý, Thư viện Trường THCS Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4083/SXD-HĐXD ngày 06/7/2020 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nhà học, phòng học bộ môn Vật lý, thư viện Trường THCS Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1671/TT-SGDĐT-KHTC ngày 11/6/2020 (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nhà học, phòng học bộ môn vật lý, thư viện Trường THCS Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Nhà học, phòng học bộ môn vật lý, thư viện Trường THCS Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường THCS Nga Tiến, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Quy mô đầu tư:

a) Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 02 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 9,8x27,9m (tính từ tim đến tim). Chiều cao công trình là 10,25m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền tầng 1 cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,45m. Tầng 1 cao 3,6m, mặt bằng bố trí 01 phòng học bộ môn Vật lý, 01 phòng chuẩn bị, 01 phòng học; tầng 2 cao 3,6m, mặt bằng bố trí 01 phòng học, 01 phòng thư viện; mái chống nóng cao 2,6m; giao thông đứng bằng thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước rộng 2,3m. Lối tiếp cận công trình bằng hệ thống sảnh chính, sảnh phụ 2 bên; sảnh chính kết hợp đường dốc cho người khuyết tật. Nền, sàn khu vực sảnh, các phòng chức năng lát gạch kích thước 600mmx600mm; mái sảnh lát gạch đất nung kích thước 300mmx300mm; sê nô quét chống thấm; thang bộ, bậc cấp ốp đá grannit tự nhiên, đường dốc lát gạch lá dừa. Tường xây gạch không nung, trát hoàn thiện, lăn sơn trực tiếp. Mái chống nóng lợp tôn trên hệ xà gồ thép hình, tường thu hồi. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa nhựa lõi thép, kính dày 6,38mm; hoa sắt cửa sổ dùng thép đặc 12mmx12mm, 20mmx20mm.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng giải pháp móng cọc BTCT đúc sẵn tiết diện 250mmx250mm, đài cọc, dầm móng BTCT M250 đổ tại chỗ; tường móng xây gạch đặc, giằng tường BTCT; Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M250 đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình: 220mmx350mm, 220mmx600mm; tiết diện cột điển hình 220mmx220mm, 220mmx400mm; sàn BTCT điển hình dày 100mm.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét: Hệ thống điện được đấu nối từ nguồn điện hiện có của trường, kéo đến tủ điện tổng phân phối đến các thiết bị sử dụng điện, hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa. Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng hệ thống kim thu sét, dây dẫn sét, hệ cọc tiếp địa, dây tiếp địa.

d) Giải pháp thoát nước: Nước thải từ phễu sàn, lavabo, nước mưa trên mái được thu vào đường ống riêng và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC. Xung quanh công trình được thiết kế hệ thống rãnh thoát nước nắp đan B300 kết hợp hồ ga, thoát nước tự chảy theo độ dốc thiết kế và đấu nối với hệ thống thoát nước khu vực.

e) Giải pháp phòng cháy, chữa cháy, phòng chống mối: Hệ thống phòng cháy chữa cháy trong nhà sử dụng hộp đựng bình chữa cháy, bình chữa cháy, bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy....; tiến hành xử lý chống mối bên ngoài, bên trong và mặt nền công trình bằng cách đào hào và phun dung dịch chống mối.

f) Làm mới sân bê tông trước nhà, cấu tạo gồm các lớp: Bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm (cắt khe 5mx5m), bê tông đá 4x6 M100 dày 10cm; bó vỉa xây gạch, trát hoàn thiện.

6. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 4.308.241.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng : 3.419.462.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án : 102.024.312 đồng.
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT : 532.369.214 đồng.
- Chi phí khác : 49.231.158 đồng.
- Chi phí dự phòng : 205.154.334 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

7. Nguồn vốn: Vốn vay ADB và vốn đối ứng địa phương (nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn tại Công văn số 2533/BGDDĐT-DATHCSKKN2 ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

8. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng và Công văn số 2533/BGDDĐT-DATHCSKKN2 ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai đầu tư xây dựng công trình trong Dự án Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- PCVP UBND tỉnh Nguyễn Đức Thịnh;
- Lưu: VT, VX.(hongtt)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Công trình: Nhà học, phòng học bộ môn vật lý, thư viện Trường THCS Nga Tiến, huyện Nga Sơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G_{XD}	1+...+5	3.108.601.818	310.860.182	3.419.462.000
1	Phần móng		Diễn giải chi tiết	893.125.455	89.312.545	982.438.000
2	Phần thân		nt	1.856.106.364	185.610.636	2.041.717.000
3	Phần điện nước, PCCC		nt	245.497.273	24.549.727	270.047.000
4	Phần chống mối		nt	113.872.727	11.387.273	125.260.000
5	Bó vỉa, sân bê tông		nt	104.980.909	10.498.091	115.479.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G_{QLDA}	$(G_{XD})^{\text{trước VAT}} \times 3,282\%$	102.024.312		102.024.312
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	G_{TV}	1+...+9	483.972.013	48.397.201	532.369.214
1	Chi phí khảo sát xây dựng		Tạm tính theo QĐ 1791/QĐ-UBND ngày 21/5/2020	135.321.818	13.532.182	148.854.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát		nt	4.059.655	405.965	4.465.620
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát		nt	5.510.305	551.030	6.061.335
4	Chi phí thí nghiệm nén tĩnh cọc (2 điểm)		Dự toán chi tiết	62.072.727	6.207.273	68.280.000
5	Chi phí lập báo cáo KTKT (TT 16/2019/TT-BXD)		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 4,686\%$	145.669.081	14.566.908	160.235.989
6	Chi phí thẩm tra thiết kế		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,258\%$	8.020.193	802.019	8.822.212
7	Chi phí thẩm tra dự toán		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,250\%$	7.771.505	777.150	8.548.655

